

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức mua Vật tư thay thế, thiết bị y tế, hoá chất xét nghiệm sử dụng trên các máy xét nghiệm điện giải, huyết học, HbA1C, miễn dịch với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

*Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định*

*Địa chỉ: Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định*

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

*DS. Bùi Thị Thu Hà*

*Trưởng Khoa Dược – TTBYT – KSNK*

*ĐT: 0915115504*

*Email: hathuy11.5@gmail.com.*

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Đơn vị tiếp nhận báo giá theo một trong các cách thức sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: *Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, Đường Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, TP. Nam Định*

- Nhận qua email: *[hathuy11.5@gmail.com](mailto:hathuy11.5@gmail.com).*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: từ ngày 31 tháng 8 năm 2024 đến trước 17h00 ngày 15 tháng 09 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 15 tháng 09 năm 2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá.

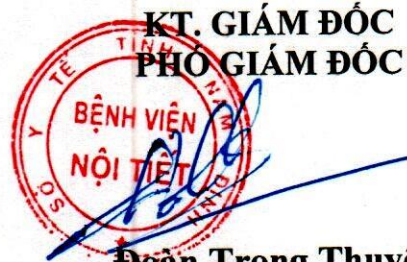
*(chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

2. Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định, đường Phù Nghĩa, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong năm 2024-2025.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BGD, Khoa Dược-TTBYT-KSNK;
- Lưu VT.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đoàn Trọng Thuyết**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC HÀNG HOÁ YÊU CẦU BÁO GIÁ**  
(Kèm theo yêu cầu báo giá số: 373/YC-BVNT ngày 30/08/2024)

STT	Danh mục hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
<b>Phần 1: Vật tư thay thế, hoá chất xét nghiệm sử dụng trên máy phân tích điện giải Auto ISE500</b>				
1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng đa thông số điện giải (K, Na, Cl, Ca, pH)	- Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl <sub>2</sub> , đệm pH. - Giá trị hiệu chuẩn: Calibration A: K+ 4 mmol/L, Na+ 140 mmol/L, Cl- 100 mmol/L, Ca <sup>2+</sup> 1.25 mmol/L, pH 7.4 Calibration B: K+ 8 mmol/L, Na+ 110 mmol/L, Cl- 70 mmol/L, Ca <sup>2+</sup> 2.5 mmol/L, pH 7 - Nồng độ cho mỗi xét nghiệm: Ammonium molybdate 0.4 mmol/l Sulphuric acid 100 mmol/l Hydrochloric acid 100 mmol/l - Mẫu bệnh phẩm: Huyết thanh người - Tương quan tuyến tính hệ số r: K+ ≥0.99, Na+ ≥0.99, Cl- ≥0.99, Ca <sup>2+</sup> ≥0.99 - Độ lệch tuyến tính D: K+ ≤3%, Na ≤1%, Cl- ≤2%, Ca <sup>2+</sup> ≤5% - Độ nhạy của phép phân tích K+ ≤0.2mmol/L, Na+ ≤6.7mmol/L, Cl- ≤6.2mmol/L, Ca <sup>2+</sup> ≤0.1mmol/L - Độ chính xác: K+ ≤2%, Na+ ≤1.5%, Cl- ≤2%, Ca <sup>2+</sup> ≤5%, pH ≤ 1% - Thể tích: (Calibration A: ≥650ml; Calibration B: ≥200ml)/hộp	12	Hộp
2	Dung dịch rửa hàng ngày dùng cho máy xét nghiệm điện giải đồ	Thành phần chính: Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5% *Thể tích: ≥50ml/hộp	6	Hộp
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích điện giải	*Thành phần chính: Enzyme: Pepsin. Dilutor: KCl, NaCl, Hydrochloride acid. *Thể tích: ≥ 6ml/hộp	6	Hộp
4	Điện cực xét nghiệm định lượng Na+	Điện cực Na electrode	4	Chiếc
5	Điện cực xét nghiệm định lượng K+	Điện cực K electrode	4	Chiếc
6	Điện cực xét nghiệm định lượng Cl-	Điện cực Cl electrode	4	Chiếc
7	Điện cực xét nghiệm định lượng Ca+	Điện cực Ca electrode	4	Chiếc
8	Điện cực xét nghiệm định lượng pH	Điện cực pH electrode	4	Chiếc
9	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng (Na, K, Cl, Ca, pH)	*Thành phần chính: KCl, NaCl, NaAc, CaCl <sub>2</sub> , LiCl, pH buffer, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản. *Đặc tính hiệu suất: Trong khoảng CV: K+ ≤1.5%, Na+ ≤1.5%, Cl- ≤1.5%, Ca <sup>++</sup> ≤1.5%, pH ≤1.0% Giữa khoảng CV: K+ ≤3.0%, Na+ ≤3.0%, Cl- ≤3.0%, Ca <sup>++</sup> ≤5.0%, pH ≤1.0% *Thể tích: ≥ 10ml/hộp	10	Hộp
<b>Phần 2: Hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy huyết học tự động Auto Star Diff 5</b>				
1	Dung dịch pha loãng	*Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06% Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% *Thể tích: ≥20 lít/ thùng	33	Thùng
2	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm huyết học 5 thành phần	Thành phần chính: Healthy mammal blood (pig), preservatives and cell stabilizers. *Thể tích: ≥3ml/lọ	19	Lọ
3	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	*Thành phần chính: Detergent < 1.5% Buffer < 2.0% Preservative < 1.5% Dye < 1.0% *Thể tích: >1 Lit/chai	38	Chai
4	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	Thành phần chính: Detergent < 0.5% Buffer < 0.6% Preservative < 0.7% *Thể tích: ≥500ml/chai	26	Chai
5	Thuốc thử ly giải hồng cầu đo các thành phần huyết học trong máu	*Thành phần chính: Detergent < 4.0% Buffer < 1.0% *Thể tích: ≥500ml/chai	27	Chai
6	Hoá chất rửa dùng cho máy xét nghiệm	*Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0% *Thể tích: >50ml/lọ	4	Lọ
<b>Phần 3: Thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm sử dụng cho máy phân tích HbA1c tự động ADAMS A1c HA-8180V</b>				
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Thành phần: Natri azide: ≤0.01 %, Chất oxi hoá: ≤0.7%, Phosphate: ≤1%. *Thể tích: ≥2400ml/hộp	15	Hộp
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	- Thành phần: Natri azide: ≤0.06%; Chất oxi hoá ≤3%; Phosphate: ≤2%. *Thể tích: ≥ 1200ml/hộp	7	Hộp

3	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	- Thành phần: Natri azide: ≤0.01%; Chất oxi hoá: ≤0.3%; Phosphate: ≤1%. Thể tích: ≥ 1200ml/hộp	10	Hộp
4	Dung dịch pha loãng máu toàn phần và rửa đường ống	- Thành phần: Natri azide: ≤0.02%; Phosphate: ≤0.1%; Chất hoạt động bề mặt: ≤0.1%. Thể tích: ≥ 6 lít/hộp	22	Hộp
5	Cột sắc ký	Cột sắc ký dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người khi thực hiện phép đo trên máy xét nghiệm ADAMS A1c HA-8180V	4	Cột
6	Dung dịch hiệu chuẩn	- Thành phần: + Dung dịch chuẩn mức thấp, dung dịch chuẩn mức cao: Hemoglobin nguồn gốc từ người: ≤0.6% + Dung dịch pha loãng: Phosphate: ≤0.1%; Chất hoạt động bề mặt: ≤0.1%. Thể tích: (mức thấp: ≥9ml; mức cao: ≥9ml; pha loãng: ≥30ml)/Hộp	3	Hộp
7	Chất kiểm chuẩn	- Thành Phần: Hemoglobin người: 13.0-15.0g/dL; Kali Cyanide: ≤0.005%. Thể tích: (Level 1: ≥1ml; Level 2: ≥1ml)/hộp	4	Hộp
8	Dung dịch pha loãng mẫu hiệu chuẩn	- Thành phần: + Dung dịch pha loãng: Phosphate: ≤0.1%, Chất hoạt động bề mặt: ≤0.1% + Dung dịch hoàn nguyên: Phosphate: 0.6%, Chất hoạt động bề mặt: 1% Thể tích: (dung dịch pha loãng: ≥ 250ml, dung dịch hoàn nguyên: ≥ 15ml)/hộp	4	Hộp
9	Dung dịch rửa máy	- Thành phần: 1. Chất hoạt động bề mặt không chứa ion: 1- 5%; 2. Muối vô cơ: 1-5%; 3. Chất khử trùng: 0.1- 1%; 4. Nước tinh khiết: 85-95%. Thể tích: ≥ 250ml/hộp	4	Hộp

**Phần 4: Hoá chất xét nghiệm miễn dịch sử dụng trên máy xét nghiệm Miễn dịch Immulite 1000**

1	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng triiodothyronin (T3) toàn phần tuần hoàn trong huyết thanh. Quy cách: ≥100 test/hộp	175	Hộp
2	Thuốc thử xét nghiệm định lượng FT4	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng các mức thyroxine không gắn với protein (T4 tự do) trong huyết thanh và huyết tương có heparin Quy cách: ≥ 100 test/hộp	175	Hộp
3	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng thyrotropin (TSH) trong huyết thanh Quy cách: ≥ 100 test/hộp	175	Hộp
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Thyroglobulin	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng thyroglobulin trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng đông heparin. Quy cách: ≥ 100 test/hộp .	10	Hộp
5	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-Thyroglobulin	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng kháng thể kháng thyroglobulin (TG) trong huyết thanh, huyết tương EDTA, heparin và citrate. Quy cách: ≥ 100 test/hộp.	9	Hộp
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Anti-TPO	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng kháng thể kháng peroxidase tuyến giáp (TPO) trong huyết thanh và huyết tương EDTA. Quy cách: ≥ 100 test/hộp	9	Hộp
7	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Insulin	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng đông heparin Quy cách: ≥ 100 test/hộp.	10	Hộp
8	Thuốc thử xét nghiệm định lượng C-PEPTID	Thuốc thử xét nghiệm để định lượng C-peptide trong huyết thanh, huyết tương có chất kháng đông heparin, hoặc nước tiểu - Quy cách: ≥ 100 test/hộp	15	Hộp
9	Cơ chất hóa phát quang	Thuốc thử xét nghiệm cơ chất hóa phát quang để sử dụng ở tất cả các phản ứng xét nghiệm để tạo ra phát xạ ánh sáng giúp định tính hoặc định lượng chất phân tích cụ thể. Thể tích: ≥ 210ml/Hộp.	61	Hộp
10	Dung dịch rửa đầu dò	Thuốc thử xét nghiệm để sử dụng trong vận hành thường quy nhằm giảm thiểu nhiễm chéo thuốc thử bằng cách giảm tích tụ protein và lipid ở kim hút. Thể tích: ≥ 200ml/Hộp.	56	Hộp
11	Dung dịch làm sạch đầu dò để sử dụng trong bảo trì hàng ngày	Thuốc thử xét nghiệm để sử dụng trong bảo trì hàng ngày nhằm giảm thiểu nhiễm chéo thuốc thử bằng cách giảm tích tụ protein và lipid ở kim hút. Thể tích: ≥ 100ml/Hộp.	4	Hộp
12	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm Anti-TG Ab và Anti-TPO Ab.	Thuốc thử xét nghiệm chất kiểm chuẩn hai mức, được xét nghiệm để sử dụng với xét nghiệm Anti-TG Ab và Anti-TPO Ab. Thể tích: ≥ (5ml/10*2 l)/Hộp	2	Hộp



13	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm TG	Thuốc thử xét nghiệm chất kiểm chuẩn ba mức, được xét nghiệm nhằm sử dụng với các xét nghiệm Thyroglobulin. Thể tích: $\geq 2\text{ml}/\text{mức} \times 3 \text{ mức}/\text{Hộp}$ .	7	Hộp
14	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm C-Peptide	-Mục đích sử dụng: chất kiểm chuẩn ba mức, được xét nghiệm nhằm sử dụng với xét nghiệm C-Peptide. Thể tích: $\geq 2\text{ml}/\text{mức} \times 3 \text{ mức}/\text{Hộp}$	10	Hộp
15	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Cortisol	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng cortisol (hydrocortisone, Hợp chất F) trong huyết thanh. Quy cách: $\geq 100 \text{ test}/\text{hộp}$	16	Hộp
16	Thuốc thử xét nghiệm Testosterone toàn phần	Thuốc thử xét nghiệm đo lường định lượng testosterone toàn phần trong huyết thanh và huyết tương kháng đông heparin. Quy cách: $\geq 100 \text{ test}/\text{hộp}$ .	15	Hộp
17	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm miễn dịch, 3 mức nồng độ	sử dụng để đối chứng kiểm soát chất lượng xét nghiệm, theo dõi độ chính xác của các xét nghiệm miễn dịch thường quy, 3 mức nồng độ Thể tích: $\geq 20\text{ml}/\text{mức} \times 3 \text{ mức}/\text{Hộp}$	4	Hộp



## Phụ lục: Mẫu báo giá

### BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của *Bệnh viện Nội tiết tỉnh Nam Định*, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư thay thế, hoá chất xét nghiệm, thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục <sup>(2)</sup>	Tên thương mại <sup>(3)</sup>	Thông số kỹ thuật <sup>(4)</sup>	Hãng sản xuất <sup>(5)</sup>	Nước sản xuất <sup>(6)</sup>	Quy cách đóng gói <sup>(7)</sup>	Số lượng, khối lượng <sup>(8)</sup>	Đơn giá <sup>(9)</sup> (VND)	Thành tiền <sup>(10)</sup> (VND)
1	Hàng hoá 1								
2	Hàng hoá 2								
n	...								
<b>Tổng cộng</b>									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về thông số kỹ thuật của hàng hoá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ....

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(11)</sup>**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

#### Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi "danh mục hàng hoá" theo đúng tên đã ghi tại cột "Danh mục hàng hoá" trong **Bảng của Yêu cầu báo giá**.

(3), (4), (5), (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Tên thương mại, Thông số kỹ thuật, Hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách đóng gói của từng danh mục hàng hoá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Bảng của Yêu cầu báo giá.



(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hoá (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá. Đơn vị Việt Nam Đồng

(11) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

